

Chuyện trò với Đạo diễn Đỗ Tiến Đức

Trùng Dương

Điện Ảnh Miền Nam trước 1975 & việc thực hiện phim Yêu dựa trên tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Chu Tử bên cạnh các phim khác do chính anh đạo diễn

Trùng Dương
Tháng 4, 2013

Tiểu sử

- Nhà Văn Đỗ Tiến Đức sinh vào tháng 10 năm 1939 tại Sơn Tây, học Trung học tại trường Nguyễn Trãi, Hà Nội, di cư vào Nam năm 1954.
- Học Quốc Gia Hành Chánh, Đại học Luật Khoa và Khóa sĩ quan hiện dịch tại Quân Trường Đồng Đế và Trường Cao Đẳng Quốc Phòng.
- Giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn quốc năm 1969, bộ môn Văn, với cuốn *Má Hồng*.
- Chủ nhiệm tạp chí Chí Trai thuộc Bộ Thanh Niên (1965-1967).
- Giám đốc Nha Thông tin (1967-1968).
- Giám-đốc Nha Điện Ảnh Việt Nam Cộng Hoà (1969-1972).
- Giám đốc Tổng Cuộc Tiếp Tế Vùng 4 (1973).
- Giáo sư trưởng Khoa Truyền Thông Viện Đại Học Minh Đức (1973-1975).
- Truyện đã xuất bản : *Hoa Niên* (1954), *Má Hồng* (1968) *Lối Vào* (1990) *Vàng Trắng Trong Mưa* (1993), *Tiếng Xưa* (2000), *Những Chuyện Rất Việt Nam*, *Tháng Tư 1975*, *Bên Em Là Bóng Tối*.
- Viết và đạo diễn phim *Ngọc Lan* (1972, với Hà Huyền Chi làm phụ tá đạo diễn), *Yêu* (1973, với Viên Linh và Trần Quang Đôn làm phụ tá đạo diễn), và *Giờn Mặt Tử Thần* (1975).
- Hiện làm chủ bút báo *Thời Luận* ở Los Angeles (1985-).

Trao đổi

Trùng Dương: Anh được biết tới, trước hết qua các tác phẩm văn chương, đặc biệt cuốn tiểu thuyết *Má Hồng* đã được giải thưởng Văn học Nghệ thuật Toàn quốc năm 1969 ở Sài Gòn, và bây giờ ở hải ngoại qua sinh hoạt báo chí với tư cách chủ nhiệm và chủ bút nhật báo *Thời Luận* trụ sở đặt tại Los Angeles, và là một trong số ít những người thuộc thế hệ cầm bút trước 1975 còn viết và in sách đều ở hải ngoại. Ít người biết tới sinh hoạt điện ảnh của anh mặc dù người ta vẫn quen miệng gọi anh là Đạo diễn Đỗ Tiến Đức. Gần đây, trong một buổi ra mắt cuốn *Ảnh Trùng Kịch Giới* của Hồ Trường An do Tổ hợp Xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ phát hành, anh nhận lời giới thiệu cuốn sách, thế nhưng tôi có cảm tưởng sau khi xem cái video clip (*) anh... phê bình cuốn sách hơn là giới thiệu.

Đỗ Tiến Đức: Vâng, thưa chị, tại tôi ít nói về điện ảnh đã lâu nên có dịp thì nói hơi vung vít. Với lại nói về điện ảnh đối với tôi là “gãi đúng chỗ ngứa” rồi. Một lý do khác là... kể ra tôi cũng “hơi lồi” vì khi anh Hồ Trường An nhờ tôi giới thiệu cuốn sách *Ảnh Trùng Kịch Giới* của anh ấy mới in xong, thì anh ấy gọi tôi là “giáo sư” và tự giới thiệu là sinh viên của tôi ở Đại học Minh Đức. Vì liên hệ như thế, nên tôi phải... nói nhiều, để anh ấy sửa chữa khi tái bản hầu tránh hiểu lầm, lại tổn hại thiện chí của anh ấy khi nặn óc viết về dĩ vãng xa xưa mấy chục năm của sân khấu và điện ảnh của miền Nam Việt Nam.

TD: Cũng trong buổi sinh hoạt ra mắt sách đó, tôi nghe đại diện nhà xuất bản, Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, đã lên tiếng, sau khi nghe lời phê bình một số điểm trong cuốn sách, đã trách khéo anh là người “biết mà không chịu nói.” Như vậy thì anh có thấy là mình bị... trách oan không vậy?

ĐTD: Không oan chút nào đâu. Chị nhớ cho là tôi sợ lên ti vi lắm vì... vừa nói dở vừa xấu trai mà. Với lại mình đã chọn vai trò làm đạo diễn thì chỗ đứng là phía sau camera chứ đứng dưới ánh đèn là trật rồi.

TD: Xin anh cho biết cơ duyên nào đã đưa anh đến với điện ảnh VN?

ĐTD: Lý do sâu xa nhất là tôi thích điện ảnh. Hồi học tiểu học ở Hà Nội tôi là “cây” sưu tầm” mấy tờ chương trình của các rạp chiếu bóng đấy. Tôi cũng

thường “mánh mung” kiểu này nữa: Nhiều buổi tối, tôi ăn mặc “lịch sự”, chải đầu chải tóc quần áo đảng hoàng rồi tới trước cửa rạp hát. Khi thấy cặp vợ chồng nào “dễ thương” tôi “tà tà” bám theo họ, đóng vai là con cái họ, tay thì cầm tờ chương trình, cúi xuống đọc miết theo kiểu “gian thì phải ngoan” mà đi qua mặt người soát vé... Vậy chứ có khi thoát, có khi bị tóm...

Khi vào Sài gòn, vừa học trung học vừa đi bán báo với Hà Huyền Chi, vừa viết báo, thế mà khi nghe tin có “dзу” người ngoại quốc tới quay phim ở đâu là tôi tới bằng được để mê mẩn xem người ta “mần tuồng”. Vì còn có nhiều người khác cũng hiếu kỳ như tôi nên có khi bị đoàn làm phim gọi xe cứu hỏa tới xịt nước để giải tán, tôi và mọi người ướt như chuột vậy mà vẫn nhe răng cười khoan khoái lắm.

Đến năm 1969 khi tôi học xong khóa 1 Cao đẳng Quốc phòng, tôi trở lại Bộ Thông tin với một đồng môn của lớp này là Đại tá Bùi Định. Ông Tổng trưởng Thông tin Nguyễn Ngọc An yêu cầu hai anh em chúng tôi nói cho ông nghe Trường Cao Đẳng Quốc Phòng là gì. Chúng tôi nói đại ý đó là trường đào tạo cán bộ lãnh đạo quốc gia. Học viên phía quân sự phải từ cấp đại tá và học viên dân sự phải từ cấp giám đốc. Ông Tổng trưởng nghe xong bèn bổ nhiệm ông Đại tá Định làm phụ tá tổng trưởng đặc trách về chính sách và kế hoạch. Còn tôi vì trước đó đã làm giám đốc Thông tin và lại tốt nghiệp Học viện Quốc gia Hành chánh nên ông Tổng trưởng muốn tôi làm Tổng thư ký bộ thay thế ông tổng thư ký sắp đi nhận nhiệm vụ khác.

Tuần lễ sau, tôi được biết bên Trung Tâm Quốc gia Điện ảnh chưa có quản đốc. Thế là tôi ngỏ ý với ông Tổng trưởng, cho tôi xuống làm Quản đốc Trung tâm Quốc gia Điện ảnh. Ông Tổng trưởng và ông Phụ tá Tổng trưởng Bùi Quang Định đều ngạc nhiên, nhìn tôi muốn lỗ con mắt, hỏi tại sao tôi lại bỏ chức cao để xin làm chức thấp. Ông Tổng trưởng khuyên: “Em là ngạch hành chánh thì làm Tổng thư ký là chức xứng đáng nhất của em, sao em lại bỏ cơ hội?” Thấy tôi vẫn xin xuống Trung tâm Điện ảnh, ông Tổng trưởng hỏi: “Nhưng em là ngạch đốc sự hành chánh, em biết gì về điện ảnh mà làm cái việc chuyên môn đó?” Tôi nhớ mang máng đã trả lời rằng, tôi không tới Trung tâm Điện ảnh để làm công việc chuyên môn như quay phim, ráp nối. Tôi tới để quản trị để phát triển. Mà khả năng quản trị thì tôi đã học và đã thực hành nhiều năm qua nhiều

chức vụ. Biết tôi đã “lạm” điện ảnh quá rồi nên ông Tổng trưởng Nguyễn Ngọc An đành ừ thôi.

TD: Xin anh cho biết qua về tình hình điện ảnh VN vào giai đoạn anh về giữ chức giám đốc Nha Điện ảnh Việt Nam Cộng Hoà?

ĐTD: Như chị đã biết, Trung tâm Quốc gia Điện ảnh là cơ quan sản xuất phim thời sự hàng tuần và phim tài liệu tuyên truyền của chính phủ. Đôi khi cũng sản xuất phim truyện với nội dung chống cộng để cung cấp cho các ty thông tin và các sứ quán. Trung tâm này không trách nhiệm về ngành điện ảnh trong nước do đó không cần biết điện ảnh tư nhân sống chết ra sao.

Còn điện ảnh tư nhân lúc đó ềo ụt lểm. Cả nước chỉ có hai hãng phim hoạt động tương đối là Mỹ Vân và Alpha. Mỹ Vân thì làm phim chiếu vào dịp Tết nên chú trọng chọc cười như *Năm Vua Hề Về Làng* chẳng hạn. Hãng Alpha thì hoạt động chính là phụ đề tiếng Việt cho phim ngoại quốc. Thành ra có năm không có phim, có năm một hai cuốn.

TD: Vai trò của Nha Điện ảnh đối với chế độ VNCH nói riêng, và đối với kỹ nghệ điện ảnh Miền Nam nói chung, gồm những gì?

ĐTD: Ban nãy tôi đã nói, tôi mê điện ảnh, phải không? Vì thế cho nên tôi chuyên chú tới một kế hoạch phát triển ngành điện ảnh Việt Nam. Tôi đã soạn một dự án trình lên ông Tổng trưởng, gồm việc nâng Trung tâm Quốc gia điện ảnh thành Nha Điện ảnh, đảm nhiệm vai trò lãnh đạo ngành điện ảnh quốc gia. Trung tâm Quốc gia Điện ảnh chỉ là bộ phận của Nha Điện ảnh phục vụ công tác làm phim thời sự và phim tài liệu tuyên truyền. Muốn tư nhân làm phim thì nhà nước phải làm mấy công việc song song: 1) Phải có biện pháp giúp đỡ họ, cụ thể là giúp phương tiện máy móc và chuyên viên. 2) Phải giúp họ phát hành, cụ thể là có rạp để chiếu phim của họ làm ra. Điều này hơi khó vì chủ rạp cũng là tư nhân, họ chọn chiếu phim nào là do tính toán lợi nhuận. 3) Muốn tạo áp lực với chủ rạp thì phải giảm số phim nhập cảng, để lấy chỗ trống cho phim Việt. Và muốn giảm số phim nhập cảng mà không vi phạm tự do kinh doanh thì phải có luật, trường hợp chưa có luật thì phải tìm cách khác. Đó là lý do phải thành lập Nha Điện Ảnh, phụ trách công tác kiểm duyệt phim ảnh, công tác cấp quota nhập cảng phim mà lúc đó đang thuộc các Nha sở khác của Bộ Thông tin.

TD: Và anh đã làm được những gì trong thời gian từ 1969 tới 1972 trong vai trò giám đốc cơ quan này?

ĐTD: Khi ông Tổng trưởng chấp thuận lập Nha Điện Ảnh thì tôi bắt tay vào việc... học nghề. Các anh chị em chuyên viên các ngành từ thu hình, ráp nối, viết truyện phim, vôn vôn, là người hướng dẫn cho Giám đốc học nghề. Mấy ông đạo diễn như Hoàng Vĩnh Lộc, Lê Hoàng Hoa, Thân Trọng Kỳ... nhìn tôi bằng nửa con mắt, coi tôi là “kẻ ngoại đạo” vì khi tới nhậm chức, trước anh em nhân viên, tôi nói lời đầu tiên đại ý là “Xin anh chị mang cái máy quay phim ra đây cho tôi được sờ nó một cái vì tôi chưa bao giờ được đứng sát bên nó cả.” Nhân viên của tôi sau này nhắc lại chuyện đó với lời khen là tôi “ngây thơ, thành thật khai báo”.

Trong khi đó tôi tiếp xúc với giới điện ảnh tư nhân, thuyết phục họ hợp tác với tôi để tổ chức Ngày Điện Ảnh Việt Nam làm điểm xuất phát chiến dịch làm phim Việt. Ngày Điện ảnh Việt Nam mà tôi đặt là kỳ 1 tổ chức ngày 22 tháng 9, 1969. Ngày đó các rạp trên toàn quốc đều chiếu phim Việt miễn phí cho đồng bào. Một buổi hội thảo lớn tại rạp Rex và chiếu lần đầu phim *Xin Nhận Nơi Đây Làm Quê Hương* do Trung tâm Quốc gia Điện ảnh sản xuất, đạo diễn là Hoàng Vĩnh Lộc. Ông Tổng trưởng Nguyễn Ngọc An đọc bài về chính sách điện ảnh, đưa ra ba chính sách lớn: 1) Đó là giúp phương tiện và nhân sự cho tư nhân làm phim. 2) Các nhà nhập cảng phim sẽ được thêm quota nếu sản xuất phim Việt Nam. 3) Nha Điện ảnh và các hãng phim tư nhân sẽ hợp tác sản xuất những cuốn phim có nội dung thích hợp. Về lâu dài sẽ soạn thảo luật Điện ảnh trong đó miễn thuế cho ngành sản xuất phim ảnh trong một thời gian từ năm đến 10 năm.



(Từ báo của Bồ Tiên Đức)

TD: Công tác hay chương trình nào đã khiến anh hãnh diện nhất khi anh làm Giám đốc Nha Điện ảnh?

ĐTD: Tôi hãnh diện nhất là tổ chức thành công Ngày Điện Ảnh Việt Nam và mở được ban Điện Ảnh thuộc Phân Khoa Nhân Văn và Nghệ thuật của Viện Đại học Minh Đức. Như chị đã biết, sau Ngày Điện ảnh Việt Nam kỳ 1 do tôi làm chủ tịch, tôi đã “tư nhân hóa” tổ chức này để nó tồn tại lâu dài. Tiếc rằng sau khi tôi thôi làm giám đốc Nha Điện ảnh thì một năm sau Ngày Điện ảnh cũng không có nữa.

Nhờ có Ngày Điện Ảnh Việt Nam, mà ông Tổng trưởng Nguyễn Ngọc An chính thức ban hành chính sách điện ảnh, và sau đó thì hãng phim mọc ra như nấm, trên dưới khoảng ba chục hãng phim. Rất nhiều nữ tài tử như Kiều Chinh, Kim Cương, Túy Hồng, Thẩm Thúy Hằng đều mở hãng phim. Nhiều doanh gia cũng mở hãng phim, như ông Phạm Hoàng Kim mở hãng Lidac. Hãng nhập cảnh phim Cosunam, Tân Kiệt Y Oan cũng mở hãng phim. Như thế tất nhiên là số lượng phim ra đời phải tăng rồi. Năm 1971 có khoảng hai chục cuốn phim được thực hiện. Phim *Chiều Kỷ Niệm* của nhóm Thẩm Thúy Hằng được chiếu tuần lễ đầu tiên tại 10 rạp gồm cả rạp lớn nhất là Rex. Nghe nói số thu lên đến trăm triệu đồng nên làm nức lòng giới điện ảnh. Có thể chị sẽ nói kế hoạch phát triển đó quá chú trọng về lượng. Đúng thế. Ở Việt Nam thời đó số người được học về điện ảnh chỉ đếm trên đầu ngón tay. Các chuyên viên điện ảnh chỉ là nhân viên của Nha Điện ảnh. Mà những người này do chính phủ huấn luyện để làm phim thời sự chứ không phải để làm phim truyện. Thành ra cứ làm nhiều phim để nghề dạy nghề là cách tốt nhất thôi.

TD: Riêng về phim Việt, theo anh, đã có những phim nào xứng đáng gọi là “trưởng thành” về cả kỹ thuật lẫn nghệ thuật?

ĐTD: Theo tôi thì khi nói về trình độ trưởng thành, có lẽ không có cuốn phim nào đạt được “danh hiệu” đó đâu. Lý do là các nhà sản xuất phim thương mại như Mỹ Vân thì họ nhắm vào thị hiếu của đa số quần chúng để kiếm tiền. Sau khi có Ngày Điện Ảnh thì có một số nhóm tham gia sản xuất phim, họ không nặng lắm vào số thu, nhưng phim của họ hầu hết là phim đầu tay, chưa kinh nghiệm, chính họ chưa trưởng thành thì làm sao sản xuất được một cuốn phim trưởng thành.

TD: Anh ngưng làm giám đốc Nha Điện ảnh năm nào và tại sao?

ĐTD: Tôi mất chức Giám đốc Nha Điện ảnh cuối năm 1972 thì Nha Điện ảnh bị ông Tổng trưởng Thông tin Ngô Khắc Tĩnh giải tán, chỉ còn lại Trung Tâm Quốc gia Điện ảnh thôi.

TD: Tại sao ông Tĩnh giải tán Nha Điện Ảnh? Mọi diễn tiến đang tốt đẹp như thế...

ĐTD: Theo tôi thì... do máy ông Tàu muốn thế. Đầu đuôi là khi tôi hạn chế quota nhập cảng phim Tàu thì tòa đại sứ Đài Loan khổ tâm lắm. Họ muốn tôi bỏ cái nghị định đó đi nhưng tôi không chịu. Rồi ông Lý Long Thân, một tài phiệt Chợ Lớn, có hãng phim Tân Kiệt Y Oan, mời tôi đi ăn một tối thứ sáu (quên mất ngày rồi) ở nhà hàng Văn Cảnh. Bữa ăn có bốn người là ông Lý Long Thân, ông Đại sứ Đài Loan là Đại tướng Hồ Liên, ông Tham vụ sứ quán Đài Loan Henry và tôi. Chè chén ngon miệng rồi thì ông Lý Long Thân đặt vấn đề. Ông nói thẳng rằng tôi muốn bao nhiêu tiền, bỏ vào chương mục nào, ở đâu, ông sẽ làm để tôi bỏ nghị định hạn chế nhập cảng phim. Tôi trả lời rằng tôi chỉ là người thi hành cái nghị định đó. Ông Thân nói đại khái: “Nếu ông Giám đốc không giúp chúng tôi thì ông cho phép chúng tôi cầu cứu nơi khác.” Tôi trả lời các ông cứ việc, và tôi sẵn sàng thi hành quyết định mới. Khi ra về, ông Thân bắt tay tôi nói: “Xin lỗi ông Giám đốc, Tổng trưởng chúng tôi còn thay được hướng chỉ cái nghị định này.” Chia tay họ, tôi gọi điện thoại cho ông Tổng trưởng Ngô Khắc Tinh, tường thuật chuyện vừa rồi. Ông Tinh có vẻ bức tức, nói đại khái: “Bọn này láo quá. Tôi sẽ bảo vệ anh.” Sáng thứ bảy tôi nói cho Thiếu tá Phạm Văn Thiệp, phụ tá của tôi nghe chuyện. Sáng thứ hai, khi tôi đang cùng toàn thể nhân viên làm lễ chào cờ trong hội trường của Nha Điện ảnh thì có điện thoại của ông Chung Đức Mai, phụ tá Tổng trưởng gọi, nói rằng ông Tổng trưởng quyết định giải tán Nha Điện ảnh, yêu cầu tôi chuẩn bị bàn giao.

TD: Giả sử như vậy đó?!? Thế... sau khi Nha Điện ảnh đã bị giải tán và anh bị mất chức thì hình như anh thực sự bị mắc chứng... “nghiện” điện ảnh nặng?

ĐTD: Chị thấy tôi mắc chứng nghiện điện ảnh thật à? Không nghiện trà, không nghiện rượu, không nghiện đàn bà mà nghiện điện ảnh thì lành mạnh quá rồi, phải không chị ?

TD: Anh cho biết đã “giải quyết” cơn nghiện này ra sao?

ĐTD: Thì tôi tiếp tục hoạt động điện ảnh. Trước hết là tôi làm phim. Cái may của tôi là lúc đó có nhiều người bỏ tiền cho tôi làm phim một cách tự do. Trước nhất là một thương gia bỏ tiền cho tôi làm cuốn phim *Ngọc Lan*, truyện phim do tôi viết. Phim quay ở Lái Thiêu. Tài tử gồm Thanh Lan, Ngọc Minh, Bảo Ân, Hà Huyền Chi... Khi chiếu chỉ huê vốn. Tiếp theo là... chị mang tiền của báo *Sóng Thần* cho tôi làm cuốn phim *Yêu*, truyện phim do tôi viết, phỏng theo

tiểu thuyết của nhà văn Chu Tử. Cuốn này thu không đủ vốn. Sau đó là anh Quách Thoại Huân bỏ tiền cho tôi làm phim *Giỡn Mặt Tử Thân*, phim màu, quay tại Đà Lạt với tài tử Thẩm Thúy Hằng, Bảo Ân, Ngọc Đức, Hoàng Mai, Tường Vi, Phi Toàn, Thanh Hoài, Văn Chung... Đến cuối tháng Tư 1975, khi cả nước tìm đường đi tản thì tôi cứ vui đầu vào công việc ráp nối và làm âm thanh cho cuốn phim. Khi gửi được cuốn phim sang Hồng Kông thì cộng sản đã vô tới Sài Gòn. Và rồi tôi đi tù.

Có thể nói tôi rất may mắn với điện ảnh. Nếu không mất nước thì mỗi năm tôi có thể làm một cuốn phim trong khi các đạo diễn đồng nghiệp đợt “nghệ thuật” như anh Võ Doãn Châu, Đặng Trần Thức, Nguyễn Ngọc Liên, sự nghiệp của họ chỉ có một cuốn phim mà thôi.

TD: Nhưng anh còn mở phân khoa Điện ảnh ở Đại học Minh Đức năm 1973 nữa? Tôi nhớ chi tiết này vì tôi là một trong khoảng 100 sinh viên ghi tên học niên khóa đầu tiên vì hồi đó tôi cũng mắc cơn “ghiền” tuy chưa nặng bằng anh. Tôi nhớ lần đầu tiên bước vào lớp, đạo diễn kiêm giảng sư Hoàng Ngọc Liên -- chả nhớ anh ấy dạy môn gì – ngó xuống thấy tôi, bèn đi xuống bàn tôi, gõ gõ cục phấn cầm trong tay xuống mặt bàn trước mặt tôi, nói, nửa bỡn nửa thực: “Bà ngồi đây làm tôi... khớp!”

Vâng, trở lại câu chuyện đang nói: Và trong khi đó thì anh vẫn là công chức, vậy thì giờ nào mà anh làm từng đó việc?

ĐTD: Thì chị vừa bảo tôi là con nghiện điện ảnh mà. Tôi cũng rất hãnh diện với việc mở trường Điện Ảnh đầu tiên, ở cấp đại học ở miền Nam Việt Nam. Để mở được ngôi trường như thế không phải là công việc dễ dàng chút nào. Trước hết là thuyết phục các linh mục trong Viện Đại học Minh Đức. Sau là thuyết phục Bộ Quốc Gia Giáo Dục vì cả ban giảng huấn không ai có bằng tiến sĩ để đạt tiêu chuẩn. Rồi thì lo trường sở, lo lập ban giảng huấn, lo kiếm nơi thực tập, lo mạnh thường quân tài trợ học bổng cho sinh viên, vân vân... Trường khai giảng năm 1973, khoá đầu tiên với 100 sinh viên. Khoá hai khai giảng năm 1974 cũng 100 sinh viên. Trong khi đó thì tôi gửi thư cho các đại tài tử thế giới như Elizabeth Taylor, Alain Delon xin ủng hộ vài chục ngàn đô để xây phim trường Elizabeth Taylor, xây thư viện Alain Delon... Nếu không đứt phim vào năm 1975 thì năm 1975 sẽ có sinh viên Lào và Cam Bốt được cấp học bổng theo học. Mục đích là

tôi muốn qua họ lập một cây cầu văn hoá đưa phim ảnh vào hai nước láng giềng thay vì đưa bộ đội.

TD: Tôi xin nhắc lại câu hỏi của tôi, là hỏi ấy anh còn làm công chức không mà có thể bỏ thì giờ ra đi làm phim và những việc khác như mở trường Điện ảnh?

ĐTD: Vâng. Hồi ấy tôi làm công chức chính ngạch ở Viện Tu nghiệp Quốc gia. Công việc của tôi là phụ trách một số giờ giảng. Tôi nhờ các giảng viên bạn tôi phụ trách giúp tôi. Tất nhiên là thù lao đứng lớp của tôi thì họ lấy cho nên vui vẻ cả làng.

TD: Trong ba phim kể trên, thì hai phim *Ngọc Lan* và *Giờn Mặt Tử Thần* do chính anh sáng tác truyện phim, phải không?

ĐTD: Vâng. Tôi là nhà văn nên viết truyện phim không khó khăn gì. Vì tự viết truyện phim cho mình quay phim nó có cái lợi “đo ni đóng giày” thích hợp với tài tử và thích hợp với túi tiền của nhà sản xuất bỏ ra.

TD: Chỉ có phim *Yêu* là dựa trên cuốn tiểu thuyết cùng tên rất nổi tiếng một thời của nhà văn kiêm nhà báo Chu Tử. Xin cho biết sơ qua nội dung của *Yêu*?

ĐTD: Cuốn truyện *Yêu* của anh Chu Tử rất ăn khách thời đó. Nhưng chị cũng biết, anh Chu Tử viết truyện này cho báo hàng ngày nên phóng bút tùy hứng mỗi ngày. Vì thế khi chuyển thể sang điện ảnh thì rất phức tạp. Thành ra tôi chỉ lấy được một số tình tiết trong truyện và dựa vào truyện để tạo những chủ đề cho phim. Chẳng hạn trong cuốn phim *Yêu*, chủ đề của nó là “Tình yêu là định mệnh hay do con người xếp đặt?” Và “Đích thực của tình yêu là hạnh phúc hay khổ đau?”

TD: Động lực nào đã thúc đẩy anh chọn cuốn tiểu thuyết xuất bản từ cả hơn thập niên trước để dựng thành phim trong một xã hội bị chiến tranh và những ảnh hưởng từ bên ngoài đã và đang thay đổi dữ dội khiến chuyện một thiếu nữ trẻ yêu thầy giáo và là bạn của bố mình chắc không còn là điều lạ lùng?

ĐTD: Lúc đó tôi nghĩ rằng cuốn truyện *Yêu* đã tái bản nhiều lần, ăn khách với nhân vật “Chú Đạt” thì đó đã là lợi thế lôi cuốn người ta tới rạp xem phim rồi.

Thứ hai là Nhóm Phim Nghệ Thuật do chị làm Giám đốc, mà chị đang là chủ nhiệm báo *Sóng Thần* của anh Chu Tử, nếu tôi mang truyện của anh Chu Tử làm phim, mà nhóm Sóng Thần quay lên thì cũng là một yếu tố để thành công về tài chính.

TD: Phim *Yêu* do Nhóm Phim Nghệ Thuật sản xuất, và tôi được cái hân hạnh làm giám đốc sản xuất vì nhật báo Sóng Thần do tôi làm chủ nhiệm hồi ấy cũng có góp phần hùn cũng như hỗ trợ những gì có thể, nhưng thực sự tôi không trực tiếp theo sát với việc thực hiện phim, nên do đấy không có kinh nghiệm sâu đậm để nhớ. Tôi cũng biết là chúng ta hồi ấy có nhiều hoài bão, trong đó có hoài bão làm phim sao cho có nghệ thuật, khác với loại phim thương mại để câu khách. Xin anh cho biết thành phần nhóm thực hiện phim *Yêu*? Cũng như việc tuyển lựa các diễn viên?

ĐTD: Thành viên Nhóm Phim Nghệ thuật gồm 99% chưa làm phim, chưa kinh nghiệm gì về phim. Thế nhưng vì toàn là người trẻ, hăng say, lại quen thân nhau nên mọi chuyện diễn ra rất lớp lang: Nhà văn Trùng Dương làm giám đốc sản xuất. Kỹ sư Hà Quốc Bảo làm tổng quản trị. Tôi làm đạo diễn. Phụ tá đạo diễn là nhà văn Viên Linh và Kiến trúc sư Trần Quang Đôn, Giám đốc hình ảnh là Nguyễn Ngọc Minh, một cameramen nổi danh nhất của Trung tâm Quốc gia Điện ảnh.

Đặc biệt nhất là việc tuyển chọn diễn viên. Hầu như cả nhóm không muốn có những khuôn mặt dù là tên tuổi và ăn khách trong làng điện ảnh. Anh em đòi phải có người mới, và phải thích hợp với nhân vật. Do đó ca sĩ Anh Ngọc được chọn đóng vai chú Đạt, cô Mai Trang, bà Thanh Khiết... và đáng kể là nhà văn Chu Tử.

TD: Anh đã làm việc với Chu Tử, anh có nhận xét gì về ông Chu Tử? Sự đóng góp của ông Chu Tử gồm những gì ngoài tác phẩm *Yêu*?

ĐTD: Lúc đầu khi tôi đề nghị đóng phim thì anh Chu Tử giãy nẩy lên, từ chối rất quyết liệt. Nhưng thuyết phục mãi thì anh “đành” nhận lời thôi. Tôi nhớ, khi anh Chu Tử viết báo mục Ao Thả Vịt thì hung hăng, coi trời bằng vung. Thế nhưng khi bước vào phim ảnh, anh ấy nhút nhát gì đâu. Nhất cử nhất động anh đều trông chờ xem tôi nói phải làm thế nào. Có lần tôi phải nói với anh : “Nhân

vật thầy giáo Thúc là do anh dựng lên, coi như đứa con của anh, thì anh cứ việc diễn như anh nghĩ, cần gì phải chờ tôi chỉ dẫn”. Kỷ niệm làm phim với anh Chu Tử là ... tội nghiệp cho anh ấy.

TD: Tại sao lại “tội nghiệp”?

ĐTD: Tôi thấy rõ là mỗi lần lỗi anh ấy ra trước máy quay phim, là anh ấy “mất tinh thần” thấy rõ. Tôi cứ thúc đẩy anh ấy rằng, “Anh đã dựng lên ông giáo Thúc, anh cho ông ấy suy nghĩ ra sao, ăn nói ra sao thì bây giờ anh lập lại như thế chứ có gì mà không làm được?” Những cảnh quay với Chu Tử phải làm đi làm lại nhiều lần, tốn phim và tốn thì giờ lắm. Có lần anh ấy quạu với tôi: “Này, Đỗ Tiến Đức, hãy nhớ là chỉ có mình cậu ‘hành’ được thằng này thôi đấy nhé!”

TD: Anh vừa nói Chu Tử đóng với nhà văn Nguyễn Thị Vinh, nhưng tôi nhớ trong phim không có bà Vinh?

ĐTD: Thì tại ông Chu Tử đấy. Khi quay cảnh ông giáo Thúc (Chu Tử) tới nhà bà Hằng (Nguyễn thị Vinh), hai người tâm sự bên hồ nước. Bà Hằng mặc áo cánh ngắn tay, không mặc nịt ngực, trông bà hấp dẫn vô cùng. Bà Hằng hấp dẫn quá càng khiến ông giáo Thúc run rẩy. Tôi bảo ông ngồi sát vào người bà Hằng, ông cứ né. Tôi bảo ông đặt tay lên vai bà, ông không dám... Thế thì còn gì là... tình. Tôi sẵn giọng với ông Chu Tử: “Cái đoạn này trong truyện, anh viết thế nào? Anh nói đi.” Ông Chu Tử cười một cách vô cùng đau khổ. Thế là chúng tôi bàn nhau phải thay diễn viên, hoặc là thay anh Chu Tử hoặc là thay chị Nguyễn thị Vinh. Vì đã thu hình anh Chu Tử nhiều rồi nên chúng tôi quyết định giữ anh Chu Tử. Anh Viên Linh giới thiệu chị Thanh Khiết. Sau đó anh Chu Tử đóng với chị Thanh Khiết thoải mái hơn.

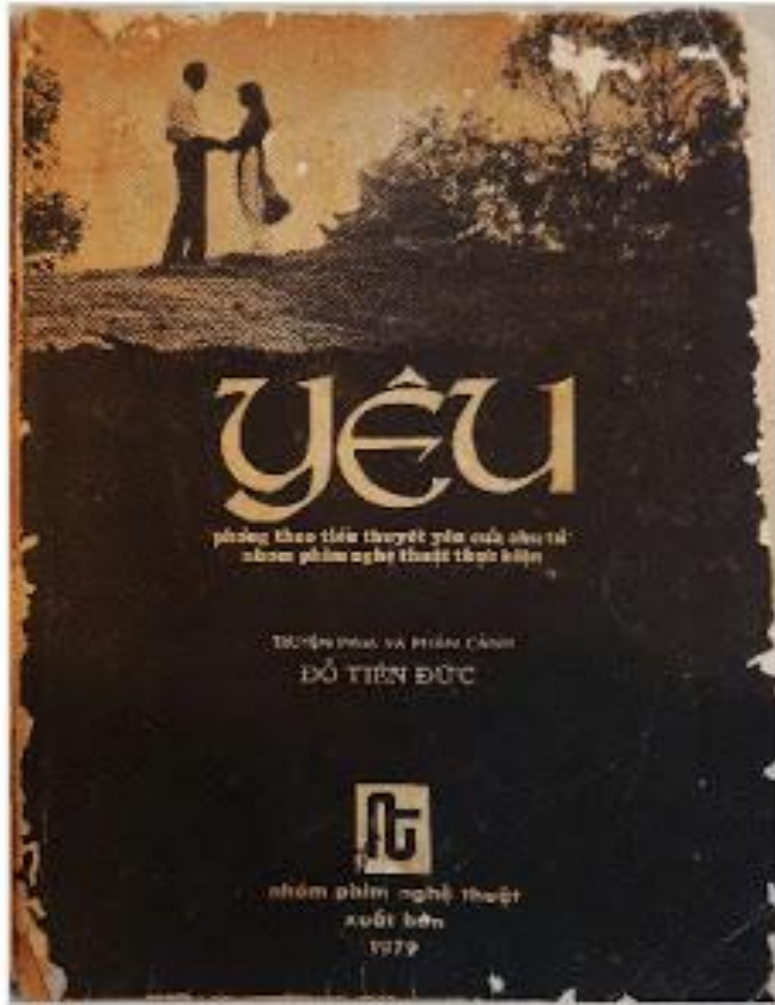
TD: Phim *Yêu* sau đó thất bại về thu, và Nhóm Phim Nghệ Thuật cũng rã gánh, mỗi cô đồng nếu không mang nợ thì cũng mất sạch vốn. Có một giai thoại tôi nghe, tuy khôi hài nhưng khá tiêu biểu cho sự thất bại của phim *Yêu*. Một người thân của một người trong nhóm làm phim kể là hôm ấy chị đi xem phim này ở rạp chiếu bóng Hoà Bình ở Đà Lạt, về kể bữa đó ngồi trong rạp chị sợ ma quá. Hỏi: “Ừa, phim *Yêu* đâu có cảnh nào rùng rợn, ma quái đâu mà nói sợ?” Thì được trả lời là tại trong rạp vắng người xem quá. Chuyện xưa, nói lại cho vui. Theo tôi, nhìn lại, thì thấy việc chọn một tác phẩm ăn khách vào đầu thập niên 1960 vì tính cách “bạo” của nó để dựng cho khán giả đã trở thành “chai đá” vì

chiến tranh, xã hội và con người đã đổi thay của đầu thập niên 1970, có vẻ không thích hợp nữa? Ngoài ra, diễn viên phần lớn là người gốc Bắc, nhưng phải chuyển âm bằng giọng Nam, thành ra vừa xa lạ với khán giả người gốc Bắc vì họ gốc Bắc mà nói giọng Nam, lại vừa xa lạ với khán giả gốc Nam vì diễn viên ai cũng biết là người gốc Bắc. Nhận xét của tôi có thể còn nhiều phiến diện. Theo anh Đức thì phim *Yêu* thất bại vì sao? Anh đã rút tĩa được bài học gì sau đó?

ĐTD: Theo tôi thì phim *Yêu* chỉ thất bại về tiền bạc thôi. Anh em mình đã để lại cho nền điện ảnh Việt Nam thời đó một phim tương đối nghệ thuật. Về lý do tại sao không thu hút khán giả thì theo các nhà phát hành phim và chủ rạp thời đó, họ cho ý kiến là cái dở của phim *Yêu* là không có dàn tài tử tên tuổi, chẳng hạn sao không để Hùng Cường thay chỗ của ca sĩ Anh Ngọc, Thanh Nga hay Thẩm Thúy Hằng thay chỗ của Mai Trang... Vì thế cho nên sau đó tôi quay cuốn *Giỡn Mặt Từ Thần* nhà sản xuất đã cho mời toàn những tài tử ăn khách. Tiếc là cuốn phim không có dịp trình chiếu để xem kết quả tài chánh thế nào mà nhà sản xuất đã dám bỏ tiền làm phim màu, và trả thù lao cho hàng chục tài tử tên tuổi.

TD: Cái poster hoạ sĩ Đăng Giao trình bày cho phim *Yêu*. Cái poster ấy, theo tôi, bố cục rất đẹp và nghệ thuật. Hình như nó được gợi hứng từ cái poster hay một cảnh trong phim *Love Is a Many-splendored Thing* dựa vào cuốn tiểu thuyết của Han Syuin?

ĐTD: Về poster phim *Yêu*, tôi đã đưa cho Đăng Giao tám ảnh chụp cảnh Thanh Lan lúc đi lên đồi tới điểm hẹn với người yêu do định mệnh để bạn ta tiện trình bày. Vì Nhóm Phim Nghệ Thuật hết tiền nên cái poster chỉ in có một màu nên chìm (cũng là một nguyên nhân gây thất thu đấy).



Bìa của cuốn truyện phim và phân cảnh *Yêu*, dựa vào kịch chương cho phim *Yêu* do họa sĩ Đăng Giao trình bày.

(Ảnh Trùng Dương)

TD: Biết anh đã nhiều thập niên, một điều tôi ghi nhận ở anh và cũng là điều tôi rất trân quý, đó là tính lạc quan, sự hồn nhiên, kể cả khi phải đương đầu với nghịch cảnh. Một giai thoại tôi nhớ mãi về anh, đó là vào một buổi họp mặt vui với một số bạn văn nghệ khác ở Sài Gòn trước 1975, anh kể lần đầu anh bị thất tình, anh ra đứng dưới cây trứng cá, hình như vừa khóc vừa... bứt trái trứng cá bỏ vào miệng nhai. Anh vừa kể vừa cười hồn nhiên. Anh hẳn phải có một quan niệm nhân sinh đặc biệt thú vị. Anh có thể chia sẻ quan niệm đó lồng vào một số việc anh đã làm trong đời?

ĐTD: Chà! Tôi có biết tôi ra sao đâu. Xin chị trả lời hộ tôi đi.

Chú thích:

(*) Đạo diễn Đỗ Tiến Đức Giới thiệu *Ảnh Trường Kịch Giới* của Hồ Trường An, <http://noigio.blogspot.com/2012/03/d-o-tien-uc-gioi-thieu-anh-truong-kich.html>

Đọc thêm:

Trong lúc tìm tài liệu đọc để soạn bản câu hỏi cho cuộc trao đổi trên với đạo diễn Đỗ Tiến Đức, tôi lên Internet và tìm thấy tài liệu này, tựa là “Điện ảnh Việt Nam”, tại Wikipedia.org. Đọc qua, mặc dù ngay đầu trang có hình mang lá cờ của Cộng sản Việt Nam có thể làm nản một số người, song tôi thấy bài viết tương đối khách quan, có cả phần nói tới điện ảnh của Miền Nam thay vì “tảng lờ”, coi như không hiện hữu, như thường phản ánh qua những bài nghiên cứu nặng tính chỉ đạo phát xuất từ Việt Nam. Ngoài ra, bài viết trên Wikipedia cũng cung cấp nhiều chi tiết mà ít người biết tới về điện ảnh Việt Nam thời phôi thai. Như những bài khác của Wikipedia, phần nguồn tài liệu (Reference) là một mục khá hữu ích và quan trọng. Vậy xin giới thiệu đến độc giả nào muốn tìm hiểu thêm về điện ảnh Việt Nam nói chung. Xin vào Google hay bất cứ search engine nào, dùng keyword “Điện ảnh Việt Nam”.

Trùng Dương

Nguồn: <http://www.diendanthekey.net/2013/09/trung-duong-chuyen-tro-voi-ao-dien-o.html>

www.vietnamvanhien.net